TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 24 – 4 - 2024
V/*v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Tuấn Khanh
Ông Đặng Hoàng Mích
- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm: 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh T.
- *Bị đơn:* **Phạm Hữu L**, sinh năm: 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023, bản tự khai ngày 27/02/2024, biên bản hòa giải ngày 09/4/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 13/11/2022, chị có cho anh Phạm Hữu L vay số tiền 80.000.000 đồng, cho vay làm 02 lần: Lần 1: 50.000.000 đồng, lần 2: 30.000.000 đồng, cho vay không ấn định thời hạn trả khi nào chị cần thì liên hệ anh L lấy tiền vay, cho vay thỏa thuận lãi suất lúc ban đầu là 05%/tháng sau đó giảm còn 04%/tháng, cho vay hai bên thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ vay. Sau khi vay tiền, anh L có trả lãi cho chị nhưng trả không đầy đủ, vốn vay không có trả. Đến cuối năm 2022 khi chị đi mổ tim về cần tiền chị có liên lạc anh L lấy lại tiền vốn vay nhưng anh L né tránh, không liên lạc được. Chị có làm đơn gửi ấp V, xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2023, anh L đã thừa nhận có vay và nợ chị 80.000.000 đồng, hứa trả mỗi tháng số tiền là 3.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng, anh L đã trả được 04 lần số tiền vốn vay 16.000.000 đồng thì ngưng đến nay không tiếp tục trả theo lời đã hứa. Hiện nay anh L còn nợ chị số

tiền vốn vay chưa trả là 64.000.000 đồng.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Phạm Hữu L phải trả cho chị số tiền vốn vay là 64.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 09/4/2024 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn anh Phạm Hữu L trình bày:

Anh thừa nhận anh có vay tiền của chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền là 80.000.000 đồng, vay làm 02 lần, lãi suất 05%/tháng sau đó giảm còn 04%/tháng, vay thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Anh có đóng lãi cho chị L được 01 năm và đã trả được số tiền vốn vay 16.000.000 đồng, hiện anh còn nợ chị L số tiền vốn vay chưa trả là 64.000.000 đồng. Anh xin trả dần chị L hằng tháng 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn anh Phạm Hữu L thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 80.000.000 đồng, đã trả được 16.000.000 đồng, còn nợ 64.000.000 đồng đến nay chưa trả, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn chị L nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Số tiền nợ vay 64.000.000 đồng đến nay anh Phạm Hữu L chưa trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay nên nguyên đơn chị L khởi kiện yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên. Đây là sự tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, anh L xin trả dần số tiền nợ nêu trên hằng tháng là 1.500.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chị L chấp nhận và các bên cũng không có thỏa thuận này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Phạm Hữu L phải chịu án phí là:

64.000.000 đồng x 5% = 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L đòi anh Phạm Hữu L trả tiền nợ vay.

2. Buộc anh Phạm Hữu L phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền nợ vay 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

3. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Phạm Hữu L phải chịu 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy L 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003418 ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Đảng ủy UBND xã V;
- UBND xã V;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương